

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2022/HNGĐ-ST

Ngày 16-8-2022

V/v Không công nhận

Quan hệ vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Ninh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Xuân Vũ

Ông Hoàng Văn Khiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Ngày 16 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 129/2022/TLST–HNGĐ ngày 24/5/2022 về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/7/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị **Lý Thị K** – sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn 11, xã Động Q, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt, có lý do)

- Bị đơn: anh **Trần Văn T** – sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn 11, xã Động Q, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (vắng mặt, không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/5/2022, các lời khai tiếp theo nguyên đơn Lý Thị K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Trần Văn T về chung sống với nhau tự nguyện vào năm 2007, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi về chung sống tại xã Động Q, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân là do anh T không chăm lo gia đình, không quan tâm đến vợ con. Đến nay xác định tình cảm không còn, chị Kiều cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: chị và anh Trang có 02 con chung Trần Thị H, sinh ngày 07/8/2007 và Trần Thị D, sinh ngày 24/8/2009. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con, không yêu cầu anh Trang cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai bị đơn Trần Văn T trình bày: Về thời gian, địa điểm, điều kiện về chung sống như chị K trình bày là đúng. Thực tế vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì, đến năm 2021 thì chị Khôi đi làm ăn và có mối quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Mâu thuẫn đã được chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành. Đến nay anh xác định tình cảm vẫn còn, không đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh và chị K có 02 con chung như chị K trình bày. Nếu ly hôn, chị Khôi yêu cầu nuôi cả hai con anh đồng ý và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án, nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, do đó vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, không lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* chị Lý Thị K và anh Trần Văn T về chung sống với nhau tự nguyện năm 2007, có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn, phù hợp với nội dung Giấy xác nhận tình trạng

hôn nhân của Ủy ban nhân dân xã Động Q, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Vì vậy hôn nhân giữa chị K và anh T là không hợp pháp vì không tuân thủ các quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Lời khai của các đương sự thể hiện quá trình chung sống thực tế vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không thể khắc phục được. Tại nội dung đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định “*trong trường hợp không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nếu có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14; Điều 53 luật này; đối với con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.*”

Như vậy, chị K và anh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007 không có đăng ký kết hôn. Đối chiếu với Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng là có căn cứ, được chấp nhận.

[3] *Về con chung:* chị K và anh Tr có 02 con chung Trần Thị H, sinh ngày 07/8/2007 và Trần Thị D, sinh ngày 24/8/2009. Tại lời khai các đương sự đều có nguyện vọng nếu ly hôn, chị Lý Thị K là người trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Các con chung có nguyện vọng ở với mẹ.

Xuất phát từ lợi ích mọi mặt và nguyện vọng của con, theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao hai con chung cho chị Lý Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, là phù hợp.

Nguyên đơn không yêu cầu về cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí:* chị Lý Thị K phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo:* các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9; khoản 1 Điều 14, Điều 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, 271,

273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lý Thị K và anh Trần Văn T.

2. *Về con chung*: giao cho chị Lý Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Thị H, sinh ngày 07/8/2007 và Trần Thị D, sinh ngày 24/8/2009 cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: chị Lý Thị K phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2021/0002348 ngày 24/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chị K đã nộp đủ tiền án phí.

4. *Về quyền kháng cáo*: các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh YB;
- VKSND H. Lục Yên;
- THADS H. Lục Yên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đăng Ninh